TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
Về việc: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Ngô Đình Tưu

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2026, Tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2026 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212a/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2026/QĐ-DS ngày 27 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Cao Thị O**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm Y, Xã H, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD 040192020482.

Hiện cư trú tại nước Cộng hòa S.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Công ty L, số C đường N, Phường T, Tỉnh Nghệ An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 06/02/2026 có lời chứng của Đại sứ Việt Nam tại C Séc).

- Bị đơn: anh **Lê Đức T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm Y, xã H, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD 040090027438

Hiện cư trú tại nước Cộng hòa S.

Người thân: Ông Lê Đức T1 sinh năm 1966 và bà Cao Thị V sinh năm 1968

(có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm L, xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị O trình bày: Sau quá trình tìm hiểu yêu đương, chị và anh Lê Đức T đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và hòa thuận. Tuy nhiên, sau một khoảng thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hai người không phù hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã và không thể chung sống với nhau được và hiện nay chị O đang sinh sống tại Cộng hòa S, vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị O đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Đức T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Đăng D, sinh ngày 26/12/2018 và Cao Đăng K, sinh ngày 05/7/2021. Hiện nay các con đang ở với chị O và chị O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nay ly hôn chị O xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại công an xã H, tỉnh Nghệ An cung cấp anh Lê Đức T, sinh ngày 22/5/1990 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Y, xã H, tỉnh Nghệ An. Con ông Lê Đức T1 và bà Cao Thị V đều trú tại xã H, tỉnh Nghệ An. Nay anh Lê Đức T không có mặt tại địa phương, hiện tại đang đi Xuất khẩu lao động ở nước ngoài Cộng hòa Séc. Các con chung của vợ chồng anh T và chị O là Cao Đăng D, sinh ngày 26/12/2018 và Cao Đăng K sinh ngày 05/7/2021 hiện đang ở nước ngoài sống cùng bố mẹ, không có mặt tại địa phương.

Theo Công văn số 2544/QLXNC-Đ1 ngày 05/6/2026 của phòng Q Công an tỉnh N, anh Lê Đức T đã xuất cảnh lần đầu ngày 12/4/2003 bằng hộ chiếu A0358687A nhập cảnh ngày 04/2/2010 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số N1326679 và N2099878 để xuất nhập cảnh rất nhiều lần qua cửa khẩu S1, N, cửa khẩu C. Lần xuất cảnh gần nhất ngày 02/3/2020 qua cửa khẩu S2 bài bằng hộ chiếu số: N2099878, hiện tại trên hệ thống chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Qua tra cứu dữ liệu hệ thống quán L1, không hiển thị thông tin Quốc gia công dân đi đến nên không có cơ sở để trả lời. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt cho người thân và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Lê Đức T.

Tại đơn đề nghị giải quyết vụ án ông Lê Đức T1 và bà Cao Thị V (bố mẹ đẻ của anh Lê Đức T*) trình bày:* Hiện nay, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đang giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị Cao Thị O và anh Lê Đức T nhưng anh T con trai ông bà đang đi xuất khẩu lao động tại nước Cộng Hòa S nên không thể về Việt Nam để giải quyết được, hiện nay ông bà không biết địa chỉ của anh Lê Đức T ở nước ngoài nên không thể cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, anh Lê Đức T vẫn thường xuyên liên lạc về nhà cho gia đình qua điện thoại, qua mạng xã hội nên các thủ tục do Tòa án thông báo cho Lê Đức T, ông bà đã nhận, thông báo đầy đủ đến anh T và anh T đồng ý theo đơn khởi kiện của chị O. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do công việc nên ông bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chịu trách nhiệm về các nội dung trên.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Toà án áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Cao Thị O được ly hôn anh Lê Đức T; Về con chung: giao hai con chung là Cao Đăng D, sinh ngày 26/12/2018 và Cao Đăng K, sinh ngày 05/7/2021 cho chị O người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị O cho anh T. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết. Án phí chị Cao Thị O phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Lê Đức T có đăng ký hộ khẩu tại Xóm Y, H, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa

đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định hiện nay anh Lê Đức T đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng kí hộ khẩu thường trú đối với anh Lê Đức T và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thân nhân đã có văn bản trình bày ý kiến. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt anh Lê Đức T.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Cao Thị O và Lê Đức T là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống giữa chị O và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, thiếu sự hòa hợp nên dẫn đến tình cảm phai nhạt. Trong đơn xin ly hôn chị O xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và chị có đơn xin được giải quyết vắng mặt. Anh T, sau khi được người nhà thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị O thì anh cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị O và anh T đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Cao Thị O được ly hôn với anh Lê Đức T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Đăng D, sinh ngày 26/12/2018 và Cao Đăng K, sinh ngày 05/7/2021. Nay ly hôn chị O có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Hội đồng xét thấy lâu nay các cháu ở với chị O, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và có nguyện vọng được nuôi các con, thấy rằng yêu cầu nuôi con của chị O là hoàn toàn chính đáng vì vậy giao các con chung của vợ chồng cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Án phí: Chị Cao Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228 điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị O được ly hôn anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Cao Đăng D, sinh ngày 26/12/2018 và Cao Đăng K, sinh ngày 05/7/2021 cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Đức T.

Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Cao Thị O phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị O được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002206 ngày 02/4/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự chị Cao Thị O, anh Lê Đức T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND Khu vực 3 – Nghệ An;*
- *THA dân sự tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã Hùng Châu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, lưu VP.*